

Số: 93/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số
cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công,
năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ
ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-
2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Hội nghị
Tỉnh ủy lần thứ 5 Khóa XX về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng
các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực
cạnh tranh cấp tỉnh;*

*Xét Tờ trình số 205/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành
chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Báo cáo
thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Thực hiện đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng
các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực
cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, với các nội dung cụ thể như sau:**

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Quan điểm

a) Cải cách hành chính (sau đây viết tắt là CCHC) gắn với nhân tố con người, lấy nhân tố con người là trung tâm để thực hiện, phải xuất phát từ chính thực tiễn để cải tiến công việc, thái độ, trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức.

b) CCHC; nâng cao thứ hạng các chỉ số về CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, phương pháp quản lý,

điều hành của chính quyền các cấp, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh.

c) CCHC phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo chủ yếu đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp.

d) Các nội dung CCHC phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

đ) CCHC phải gắn với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức lãnh đạo, quản lý theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với lộ trình, bước đi phù hợp.

e) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện CCHC; chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của chính quyền các cấp; bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu

Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, minh bạch chuyên nghiệp, từng bước hiện đại; sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ Nhân dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là mục tiêu phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước.

3. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025

a) Phần đầu Chỉ số CCHC, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công xếp thứ hạng tăng bình quân mỗi năm từ 5 - 8 bậc; đến năm 2025, xếp thứ hạng từ 25 - 30/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Phần đầu Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2021, xếp thứ hạng từ 20 - 30/63; đến năm 2025, xếp thứ hạng từ 10 - 20/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Trong năm 2022, hoàn thành phê duyệt lại Đề án vị trí việc làm ở 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ và thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

c) Hằng năm, 100% văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt là QPPL) được ban hành đúng quy trình, quy định; bảo đảm yêu cầu về chất lượng, tính khả thi.

d) Hoàn thành việc sắp xếp tinh gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, thôn, tổ dân phố theo chủ trương của Trung ương.

đ) Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là TTHC) được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

e) Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

g) Giai đoạn 2022 - 2025, số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

h) 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan Nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật); 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính Nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời; 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

i) 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

k) Tối thiểu 80% TTHC có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% TTHC được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

l) 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan Nhà nước kết nối, chia sẻ.

m) Thực hiện tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm tỷ lệ theo quy định của Trung ương. Giảm tối thiểu bình quân 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập. Tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

n) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định; 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

o) Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%. Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành nhằm tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tham mưu các nội dung về CCHC thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Đẩy mạnh nghiên cứu, triển khai áp dụng thí điểm các sáng kiến, mô hình cải cách mới và các giải pháp có tính đột phá để nâng cao hiệu quả, tạo chuyển biến rõ nét trong thực hiện CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Nhân rộng việc áp dụng các sáng kiến, mô hình, giải pháp thiết thực, có hiệu quả cao.

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện công tác CCHC; có hình thức biểu dương các địa phương, đơn vị, cá nhân thực hiện tốt và xử lý nghiêm các trường hợp thiếu trách nhiệm, có hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, làm ảnh hưởng đến hiệu quả CCHC của tỉnh.

d) Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước của Chính phủ và Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đến cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội.

đ) Quan tâm bố trí nguồn lực phù hợp cho công tác CCHC.

2. Cải cách thể chế

a) Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản QPPL trên các lĩnh vực, nhất là quản lý về đất đai, tài nguyên, khoáng sản, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng... bảo đảm tính ổn định, khả thi cao, công khai, minh bạch, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản QPPL trong hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

b) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm tạo động lực và nguồn lực cho tăng trưởng, phát triển kinh tế, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh. Tiếp tục rà soát để bổ sung, hoàn thiện và ban hành mới các tiêu chí về đầu tư để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh; khuyến khích hợp tác, chuyển giao công nghệ.

c) Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở trong quá trình thực thi các văn bản QPPL. Đến năm 2025, cơ bản hoàn thiện việc rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản về tổ

chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển.

d) Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản QPPL, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp; kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, nhất là gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện văn bản QPPL.

đ) Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật ở địa phương; đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

e) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong việc hoàn thiện, thực hiện cải cách thể chế.

3. Cải cách thủ tục hành chính

a) Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm TTHC mới ban hành phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, trọng tâm là TTHC thuộc các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, đầu tư, bảo hiểm, thuế... và các TTHC thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn.

b) Thường xuyên đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, bảo đảm đúng quy định, nâng cao chất lượng phục vụ, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

c) Tiếp tục rà soát, đánh giá quá trình thực hiện cải cách TTHC; loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục không cần thiết.

d) Rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính Nhà nước; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong giải quyết TTHC. Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết TTHC theo hướng cấp nào đủ năng lực, sát cơ sở, sát Nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, bảo đảm đúng quy định và nguyên tắc quản lý, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền hà, tiêu cực, phiền hà cho Nhân dân.

đ) Tiếp nhận xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về cơ chế, chính sách, TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia và các hình thức khác, tạo điều kiện tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp.

e) Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh và Bộ phận một cửa ở các địa phương, bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản hóa các thủ tục, nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân. Kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện.

g) Đẩy mạnh thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; vận hành và khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia... nhằm tăng tính liên thông trong giải quyết TTHC, bảo đảm tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí.

h) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra gắn với nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương và người đứng đầu trong triển khai thực hiện cải cách TTHC ở địa phương, đơn vị.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Chủ động rà soát, đánh giá, lập đề án, phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, thôn, tổ dân phố kịp thời, có chất lượng theo đúng chỉ đạo, yêu cầu của Trung ương. Xây dựng cơ chế, chính sách hợp lý, kịp thời để giải quyết số cán bộ, công chức dôi dư khi sáp nhập đơn vị hành chính.

b) Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, phân định rõ việc của các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp; kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý liên ngành, giảm đầu mối tổ chức trung gian; khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính, gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

c) Thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm theo quy định của Chính phủ. Sắp xếp, giảm tối đa các Ban quản lý dự án, tổ chức phối hợp liên ngành.

d) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp trên một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo hướng ngành, cấp nào quản lý có hiệu quả hơn thì giao cho ngành đó, cấp đó quản lý, nhằm nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

đ) Tiếp tục rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ. Đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập; rà soát, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần. Thực hiện thí điểm việc thi tuyển, thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

e) Tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

g) Xây dựng và triển khai thực hiện đo lường mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập.

5. Cải cách chế độ công vụ

a) Xây dựng lại Đề án vị trí việc làm theo quy định của Chính phủ; gắn thực hiện tinh giản biên chế với cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức,

viên chức các cấp, các ngành tuân thủ theo Đề án vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức công vụ, có kiến thức chuyên môn sâu, kỹ năng làm việc thành thạo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả công tác CCHC của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để tổ chức thi tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức. Thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức theo vị trí việc làm, bảo đảm nguyên tắc công khai, khách quan, minh bạch, công bằng, cạnh tranh và đúng quy định của pháp luật; triển khai có hiệu quả việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, phòng và tương đương khi có chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương.

c) Chú trọng nâng cao năng lực, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, địa phương đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới. Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm. Nghiên cứu xây dựng chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài trong quản lý Nhà nước, nhất là các ngành mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững.

d) Đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, theo tiêu chí, bằng sản phẩm cụ thể, thông qua khảo sát, công khai kết quả và so sánh với chức danh tương đương; gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị; khuyến khích sáng kiến cải tiến công vụ.

đ) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức triển khai thực hiện kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung.

6. Cải cách tài chính công

a) Đổi mới và kiểm soát chặt chẽ cơ chế phân bổ ngân sách Nhà nước cho các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao. Tăng cường phân cấp, phân quyền trong quản lý tài chính ngân sách, quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng; tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công. Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa.

c) Rà soát, đánh giá việc thực hiện lộ trình tự chủ về tài chính theo Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2025, có giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi thường xuyên và chi đầu tư, tiến tới chuyển sang công ty cổ phần.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số

a) Huy động các nguồn lực đầu tư hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, công dân điện tử. Phát triển, nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC trực tuyến mức độ 3 và 4 trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh; hoàn thành việc tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

b) Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan Nhà nước theo quy định.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là CNTT), chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, bảo đảm tính liên thông các thông tin quản lý dữ liệu, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp.

d) Có giải pháp tích hợp, kết nối dữ liệu tất cả các phần mềm ứng dụng trong quản lý, điều hành hiện nay tại các cơ quan hành chính để đảm bảo việc số hóa, hình thành cơ sở dữ liệu chung phục vụ xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

đ) Nâng cao kỹ năng khai thác, ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đối với cấp huyện, xã. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phổ cập trình độ cơ bản cho người dân về kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

e) Triển khai xây dựng, chuyển đổi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trên môi trường mạng (ISO điện tử) trong giải quyết TTHC của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh của tỉnh.

g) Đẩy mạnh công tác thông tin truyền truyền; xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan Nhà nước.

8. Nâng cao chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch cải thiện các chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2021 - 2025.

b) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030; điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040,... đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình hình mới.

c) Kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với các dự án ngoài ngân sách Nhà nước.

d) Định kỳ tổ chức Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư; cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin và hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhất là các quy định mới liên quan đến các cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân